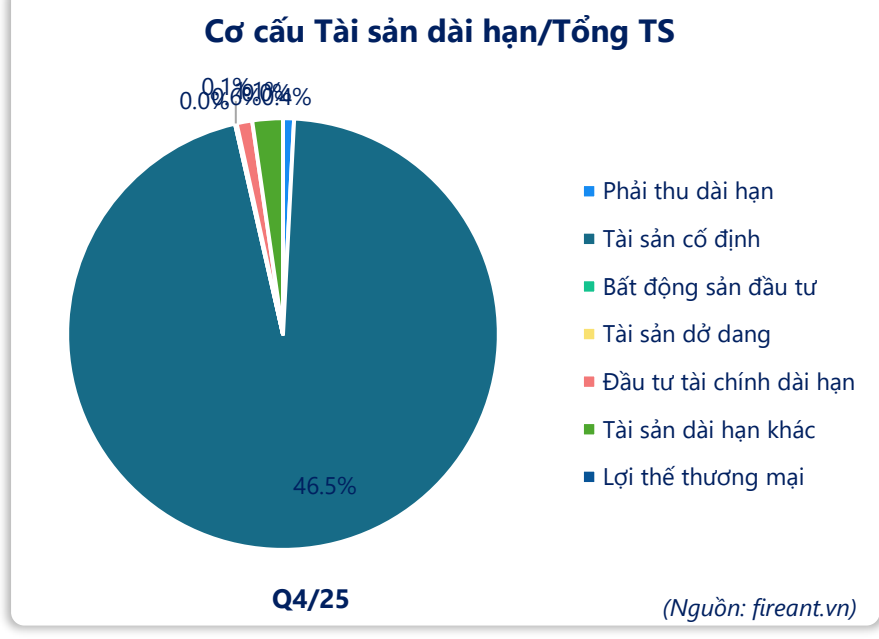
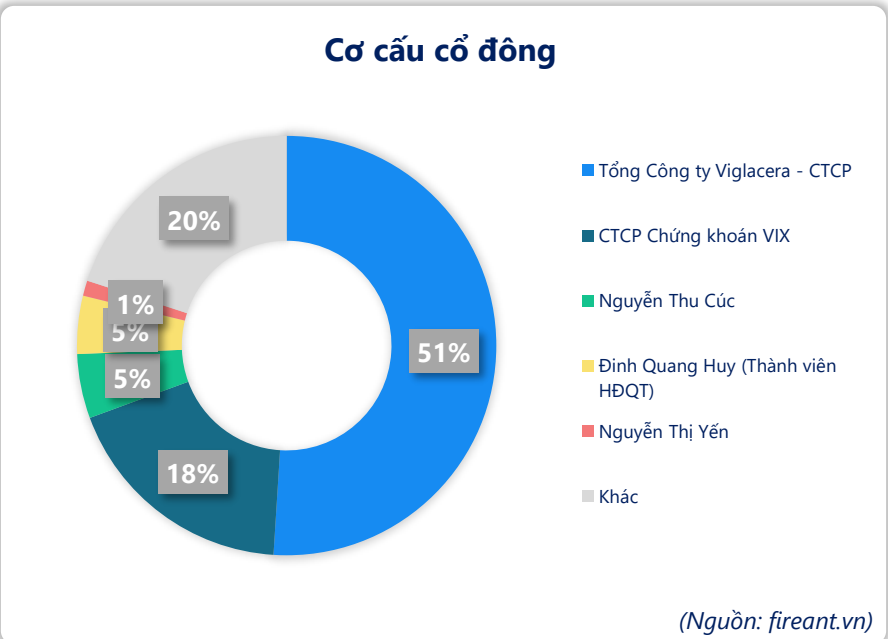
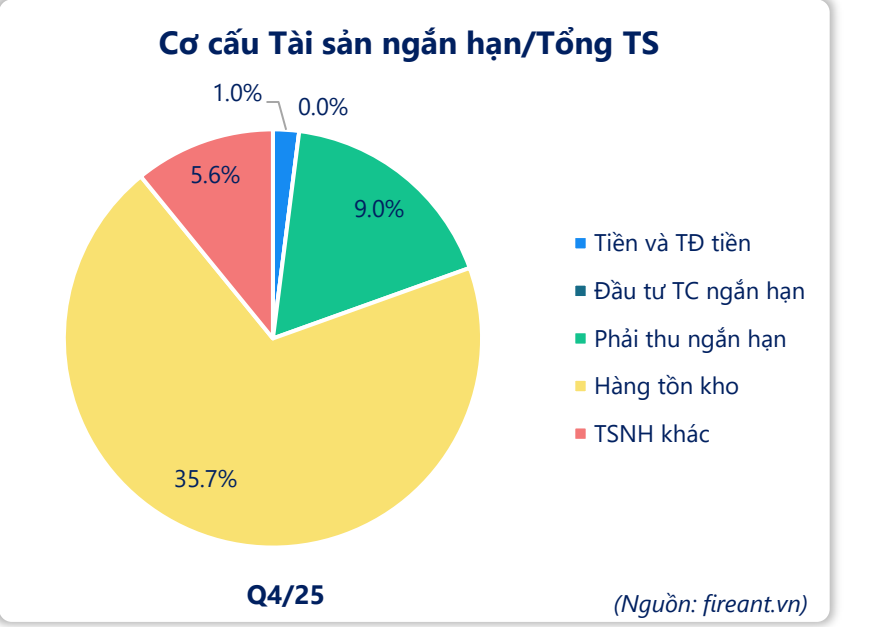
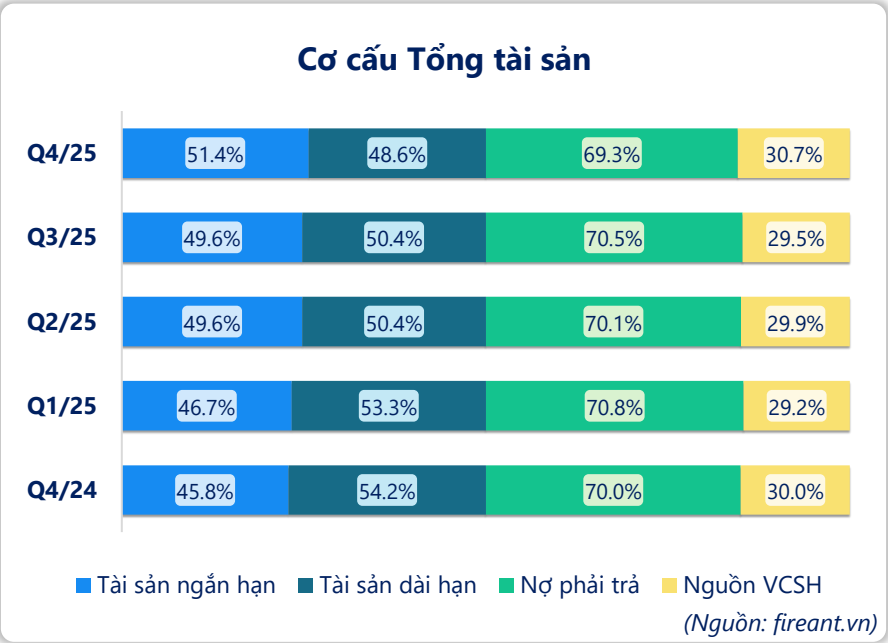
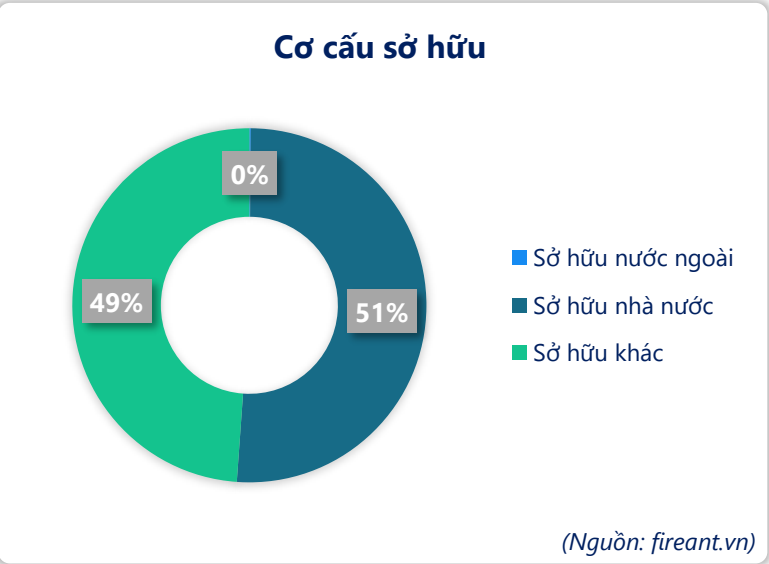
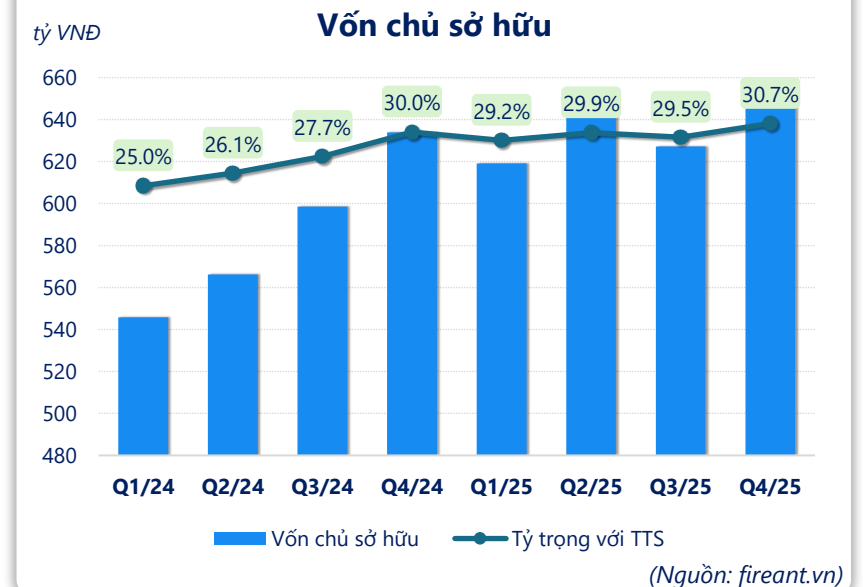
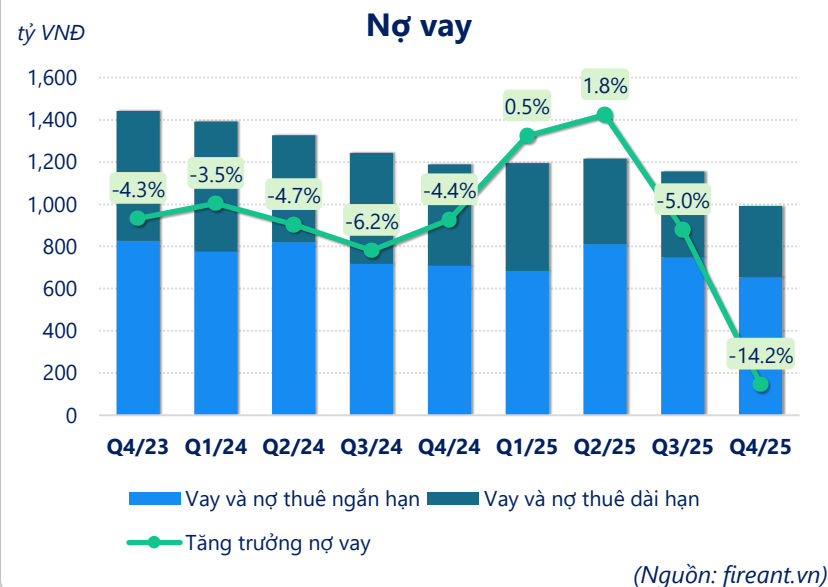
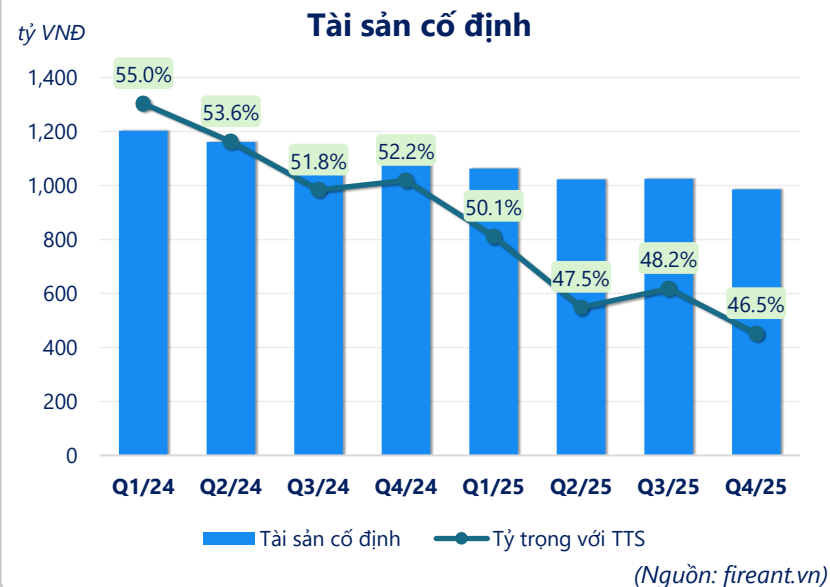
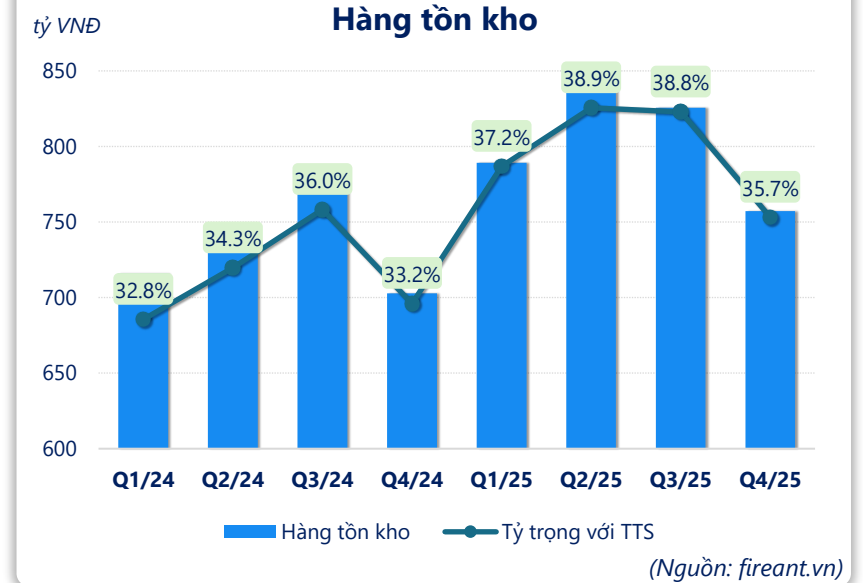
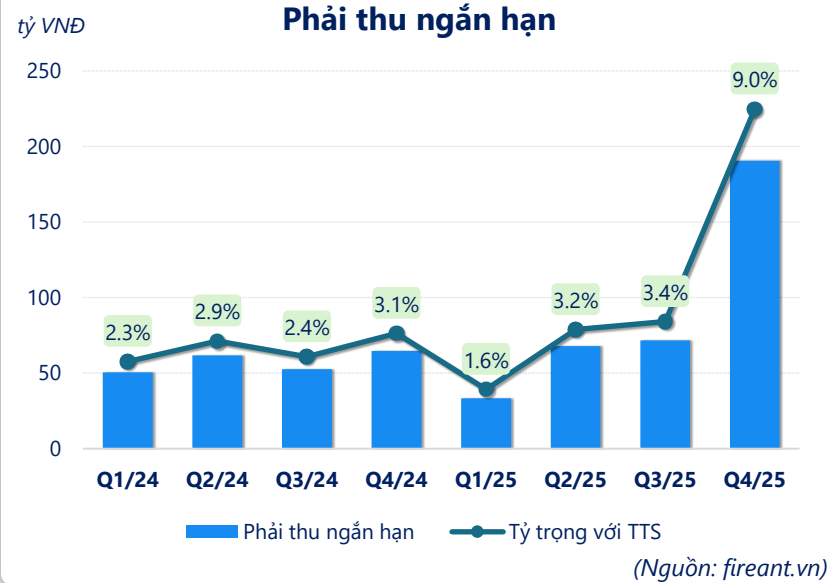
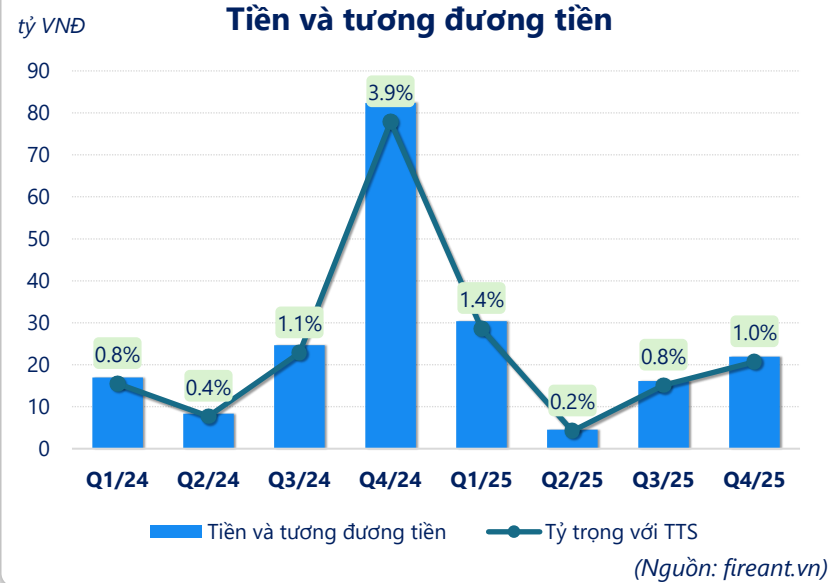
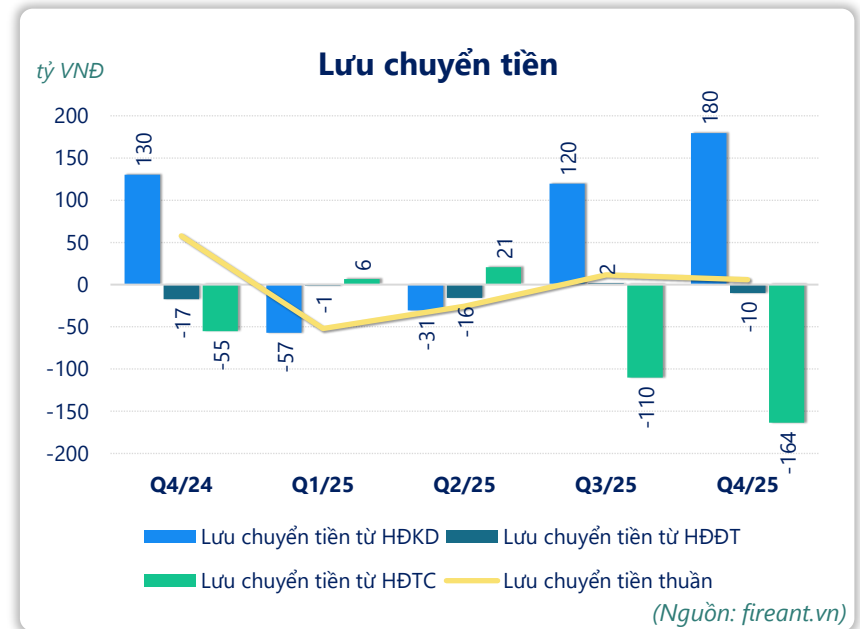
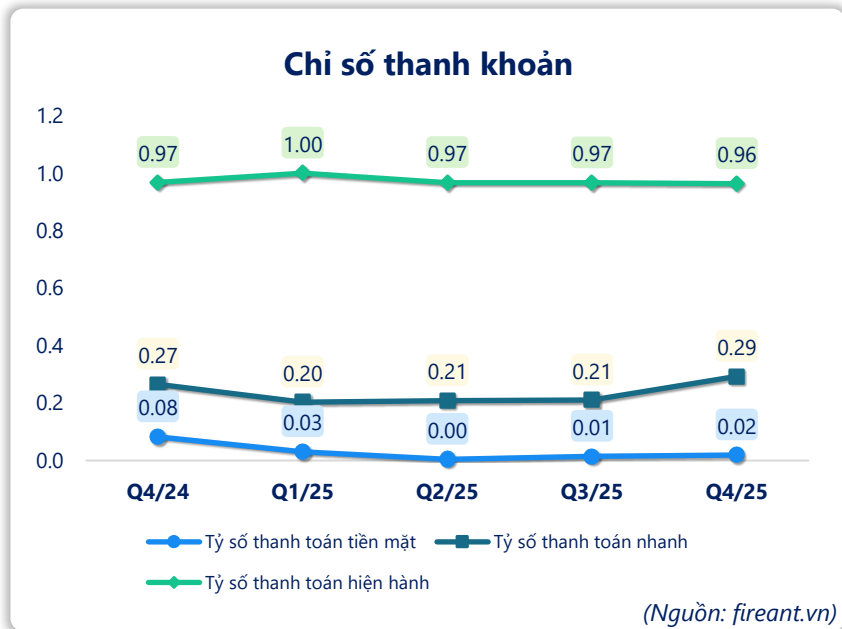
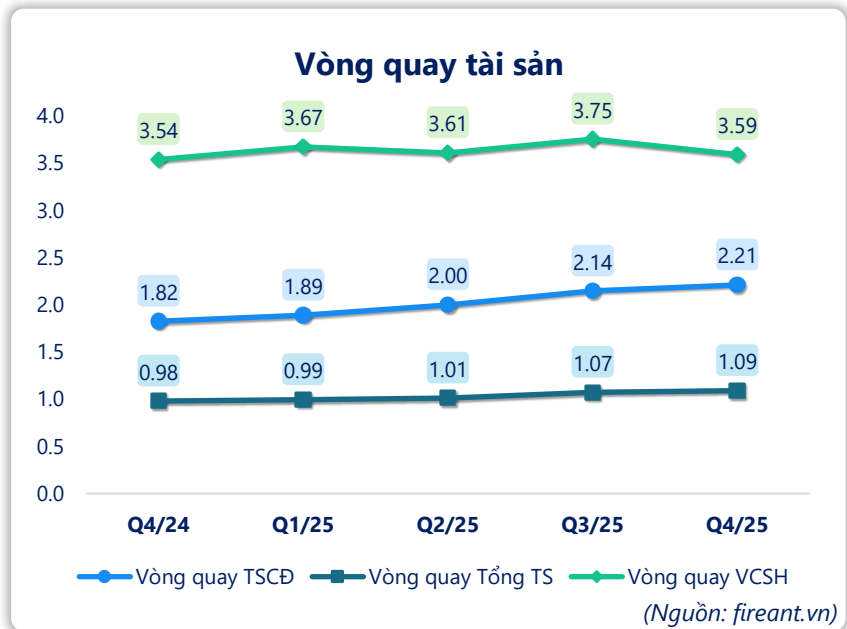
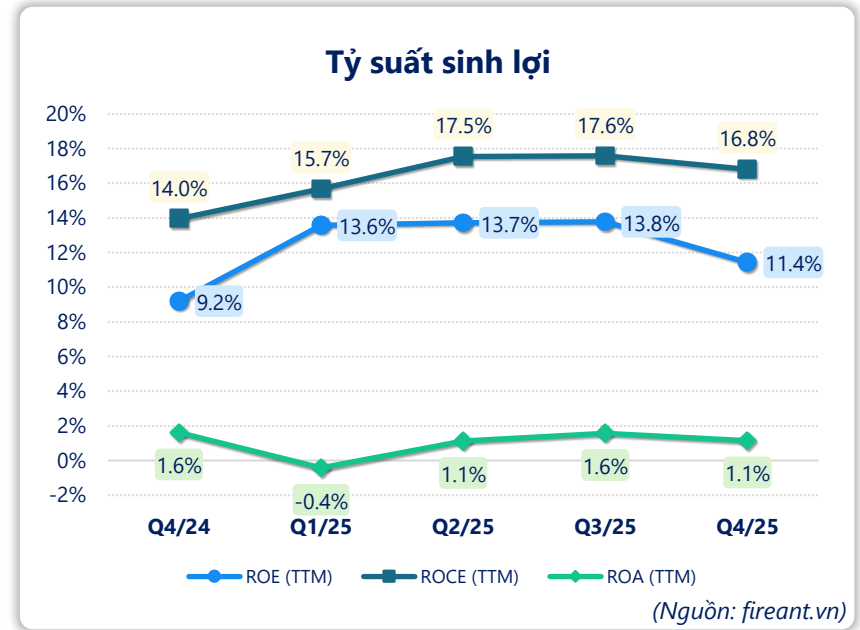
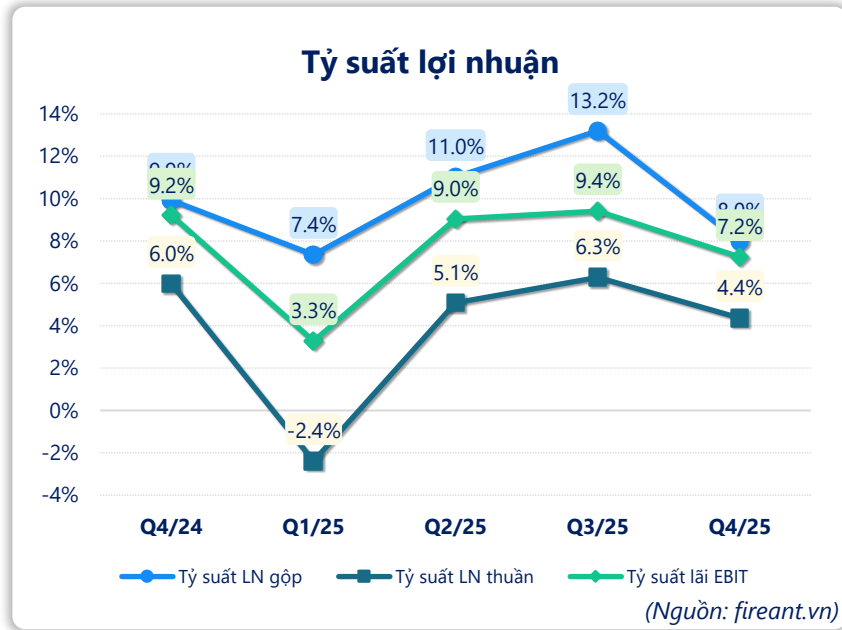
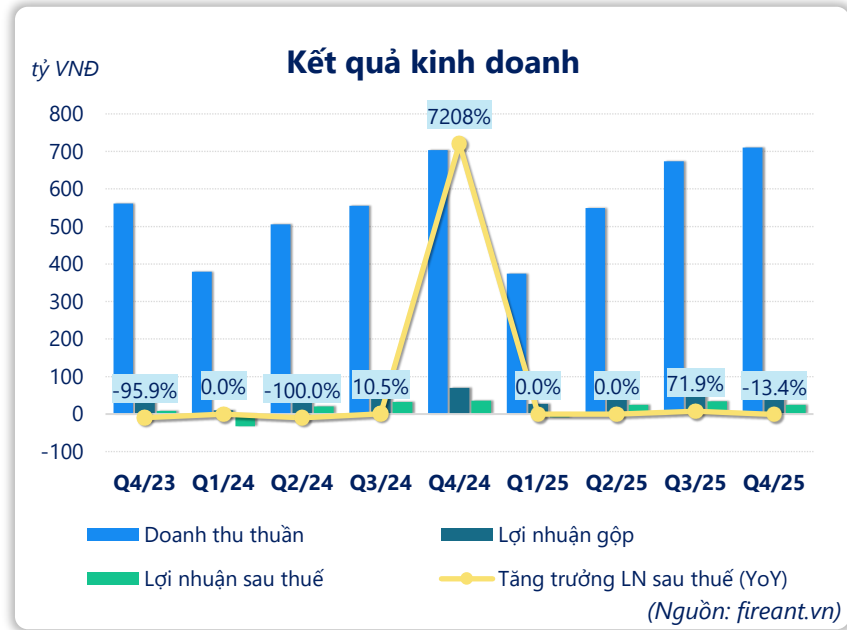


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,569
SL cổ phiếu LH		49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,625
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,200
P/E		16.3
EPS		1,469

	YTD	1T	3T	6T
VIT	23.7%	34.1%	27.7%	35.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,119	2,115	0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,088	968	12.4%
Tiền và tương đương tiền	21.9	82.4	-73.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	190	64.6	195%
Hàng tồn kho	757	703	7.7%
Tài sản ngắn hạn khác	118	119	-0.2%
Tài sản dài hạn	1,031	1,147	-10.1%
Phải thu dài hạn	8.51	5.94	43.2%
Tài sản cố định	985	1,104	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.21	0.04	2970%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.0	12.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	23.6	24.9	-5.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,467	1,485	-1.2%
Nợ ngắn hạn	1,129	1,004	12.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	654	708	-7.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	295	229	28.7%
Nợ dài hạn	338	481	-29.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	338	480	-29.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	652	631	3.3%
Vốn chủ sở hữu	652	631	3.3%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	703	374	549	674	711
Giá vốn hàng bán	634	347	488	585	654
Lợi nhuận gộp	69.7	27.5	60.5	88.9	56.8
Doanh thu HĐTC	0.10	0.19	0.24	0.10	0.45
Chi phí TC	23.2	21.7	22.6	21.5	19.5
Chi phí lãi vay	21.9	21.2	21.6	21.0	20.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.80	8.05	4.22	19.1	3.32
Chi phí QLDN	2.74	6.85	5.96	6.19	3.43
LN thuần từ HĐKD	42.1	-8.94	27.9	42.3	31.0
Lợi nhuận khác	0.76	-0.05	0.13	0.04	-0.12
LN trước thuế	42.8	-8.99	28.1	42.3	30.9
Lợi nhuận sau thuế	35.3	-8.99	24.2	33.9	24.3
LNST của CĐ cty mẹ	35.3	-8.99	24.2	33.9	24.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	130	-57.2	-30.6	120	180
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.4	-1.32	-15.8	1.83	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.0	6.50	20.7	-110	-164
Tiền đầu kỳ	24.7	82.4	30.4	4.53	16.1
Lưu chuyển tiền thuần	57.7	-52.0	-25.7	11.5	5.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	-0.10	0.10	0.00
Tiền cuối kỳ	82.4	30.4	4.53	16.1	21.9

(Nguồn: fireant.vn)